

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-PT

Ngày: 18 -01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản và

hợp đồng bảo lãnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua.

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt.

Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 278/2020/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1962;

2. Bà Trần Thị P, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm: 1988; *(có mặt)*

Địa chỉ: thị trấn V, huyện Z1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Hoàng Kim K, sinh năm: 1989; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp X1, xã Y1(nay là xã B), thành phố Z2, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm: 1962. *(có mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Quốc H1, sinh năm: 1991; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp X1, xã Y1(nay là xã B), thành phố Z2, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1: Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm: 1962. *(có mặt)*

2. Ông Đào Đình Q, sinh năm: 1958; *(có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/01/2021)*

Địa chỉ: xã Y2, huyện Z3, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q: Ông Nguyễn Minh H2, sinh năm: 1979; *(có mặt)*

- Người kháng cáo:

1. Bị đơn bà Trần Hoàng Kim K.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình Q.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Văn H, bà Trần Thị P và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Bá Lượng trình bày:

Do quen biết, ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P cho bà Trần Hoàng Kim K vay tiền trong nhiều lần, việc giao nhận tiền được thực hiện theo hình thức chuyển khoản cụ thể như sau:

- Ngày 19/8/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 100.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 19/8/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Ngày 20/8/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 50.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền kiêm bảng kê ngày 20/8/2018 của Ngân hàng Đông Á.

- Ngày 22/8/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 30.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền kiêm bảng kê ngày 22/8/2018 của Ngân hàng Đông Á.

- Ngày 28/8/2018, ông H và bà P cho chuyển khoản bà K vay 30.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 28/8/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Ngày 30/8/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 140.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 30/8/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Ngày 13/9/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 100.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 13/9/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Ngày 08/10/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 50.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 08/10/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Ngày 26/11/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 200.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 26/11/2018 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Ngày 27/11/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 190.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 27/11/2018 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Ngày 10/12/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 300.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 10/12/2018 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Ngày 25/12/2018, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K vay 170.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 25/12/2018 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

- Ngày 01/02/2019, ông H, bà P và bà K làm hợp đồng mượn tiền. Theo Hợp đồng, ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P cho bà Trần Hoàng Kim K vay tiền số tiền 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, cho vay không lãi suất. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới. Ông H và bà P cho bà K vay không đảm bảo bằng tài sản.

Sau khi ký Hợp đồng ngày 01/02/2019, ông H và bà P tiếp tục chuyển khoản cho bà K cụ thể như sau:

- Ngày 07/01/2019, ông H và bà P chuyển khoản cho bà K số tiền 840.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 07/01/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Ngày 14/01/2019, ông H và bà P chuyển khoản bà K số tiền 900.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 14/01/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Ngày 28/01/2019, ông H và bà P chuyển khoản bà K số tiền 900.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 28/01/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Ngày 11/02/2019, ông H và bà P chuyển khoản bà K số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 11/02/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Ngày 25/02/2019, ông H và bà P chuyển khoản bà K số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 25/02/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Tổng cộng, ông H và bà P đã chuyển khoản cho bà K số tiền vay 6.000.000.000 đồng.

Ngày 04/3/2019, ông Đào Quốc H là chồng bà Trần Hoàng Kim K có viết giấy bảo lãnh nội dung đồng ý và bảo lãnh cho bà K vay số tiền 6.000.000.000 đồng của ông H và bà P, nếu ông Đào Quốc H và bà Trần Hoàng Kim K không trả đúng theo thỏa thuận sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Do bà K và ông H không có khả năng trả nợ, để làm tin, bà K và ông Đào Đình Q (cha chồng của bà K, cha của ông Đào Quốc H) tự lập Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019 để giao cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P, kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Đào Đình Q. Ông H và bà P không có gặp trực tiếp ông Q, do đó trong Hợp đồng bảo lãnh không có chữ ký của ông H và bà P. Nhưng sau đó, ông H và bà P đã ký tên xác nhận bên nhận bảo lãnh trong Hợp đồng. Theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh, ông Q cam kết bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất đứng tên ông Đào Đình Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 197637, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03218 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho ông Đào Đình Q ngày 21/10/2018

Nay nguyên đơn yêu cầu bà K và ông H1 trả lại số tiền 6.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Trường hợp ông H và bà K không có khả năng trả nợ, yêu cầu ông Đào Đình Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Hoàng Kim K là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà K có ký Hợp đồng mượn tiền ngày 01/02/2019 như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên bà K không có nhận số tiền 6.000.000.000 đồng. Do tin tưởng nên bà K có giao cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P các giấy tờ gồm 01 sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận đăng ký thuế để làm tin. Nhưng sau khi giao giấy tờ thì ông H và bà P không giao tiền. Bà K yêu cầu ông H và bà P trả lại các giấy tờ trên nhưng ông H và bà P không đồng ý.

Đối với các Giấy tờ chuyển khoản do nguyên đơn cung cấp không thể hiện việc chuyển tiền theo Hợp đồng mượn tiền số 245. Các giấy chuyển khoản này có thể thuộc các giao dịch khác giữa bà K với ông H và bà P. Vì không được ủy quyền vấn đề này nên ông không nắm rõ. Trường hợp có phát sinh tranh chấp với các giao dịch này, ông H và bà P có thể khởi kiện bà K bằng một vụ kiện khác.

Do ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P không thực hiện việc giao tiền theo Hợp đồng mượn tiền ngày 01/02/2019 nên bà K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Đồng thời, bà K yêu cầu hủy Hợp đồng mượn tiền ngày 01/02/2019 và yêu cầu ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P trả lại các giấy tờ gồm 01 sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đào Đình Q.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc H1 là ông Nguyễn Văn Tông trình bày:

Ông Đào Quốc H1 có biết bà K ký hợp đồng mượn tiền với nguyên đơn nhưng việc bà K có nhận tiền từ nguyên đơn hay không thì ông Hùng không biết. Ông Hùng có ký Giấy bảo lãnh ngày 04/3/2019 xác nhận biết bà K có ký Hợp đồng công chứng với ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P. Việc ông Đào Quốc H1 ký Giấy bảo lãnh ngày 04/3/2019 là do ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P không giao tiền cho bà K theo Hợp đồng mượn tiền, nên ông Đào Quốc H1 viết thêm Giấy bảo lãnh để làm tin. Tuy nhiên sau đó, ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P vẫn không thực hiện việc giao tiền cho bà K.

Vì cần vốn làm ăn, ông Đào Quốc H1 có năn nỉ cha ruột là ông Đào Đình Q ký tên vào Hợp đồng bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do ông Đào Quốc H1 soạn sẵn, đồng thời đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 461, tờ bản đồ số 29 do ông Đào Đình Q đứng tên chủ sử dụng cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P để làm tin. Tuy nhiên sau đó ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P vẫn không chuyển tiền. Do đó ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình Q là ông Nguyễn Văn Q1 trình bày:

Đối với yêu cầu trả 6.000.000.000 đồng, ông Q cho rằng căn cứ vào các tài liệu sao kê ngân hàng về chuyển khoản tiền cho bà Trần Hoàng Kim K không có nội dung nào thể hiện việc chuyển tiền theo Hợp đồng công chứng số 245, quyền số 02/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 01/02/2019. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 6.000.000.000 đồng là chưa có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 6.000.000.000 đồng theo Hợp đồng công chứng số 245, quyền số 02TP/CC – SCC/HĐGD ngày 01/02/2019. Đồng thời yêu cầu tuyên hủy Hợp đồng công chứng số 245, quyền số 02TP/CC – SCC/HĐGD ngày 01/02/2019 do các bên chưa thực hiện Hợp đồng.

Đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, ngày 22/6/2019, ông Đào Quốc H1 có nhờ ông Q ký vào Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019 với nội dung ông Q dùng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.784 m² thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Y2, huyện Z3, tỉnh Gia Lai để bảo lãnh cho khoản vay 6 tỷ đồng mà con dâu ông là Trần Hoàng Kim K vay của nguyên đơn. Ông Q không biết gì về khoản vay này, ông ký vào Hợp đồng là do con ông năn nỉ, chứ ông cũng chưa gặp mặt nguyên đơn. Do đó, hợp đồng bảo lãnh không có chữ ký của nguyên đơn. Mặt khác trong Hợp đồng bảo lãnh có ghi “các bên thống nhất về việc bên B bảo lãnh bằng tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên C với bên A theo nội dung sau: Hợp đồng mượn tiền ngày 01/02/2019 giữa ông Đỗ Văn H cùng vợ là bà Trần Thị P và bà Trần Hoàng Kim K được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới, theo số công chứng 245, quyền số 02TP/CC – SCC/HĐGD”. Tuy nhiên bị đơn chưa nhận được tiền theo Hợp đồng này nên không phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của ông Q. Ngoài ra, Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019 giữa ông Q với nguyên đơn và bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung và hình thức của Hợp đồng nên ông Q yêu cầu tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019 vô hiệu, yêu cầu ông H và bà P trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 197637 cho ông Q

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định như sau:

Căn cứ các điều 123, 129, 130, 335, 336, 340, 342, 407, 463, 466, 468 và 502 Bộ luật Dân sự 2015;

Các điều 12, 166, 167, 188 Luật đất đai 2013;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P.

Buộc bà Trần Hoàng Kim K và Đào Quốc H1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P số tiền 6.000.000.000 đồng

Ghi nhận việc ông H, bà P không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bà Trần Hoàng Kim K và ông Đào Quốc H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P có quyền yêu cầu ông Đào Đình Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay trong phạm vi bảo lãnh số tiền 6.000.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Đào Đình Q. Tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019 vô hiệu một phần đối với phần tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 1.784m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 461, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 197637, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS03218 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/10/2018 cho ông Đào Đình Q.

Ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P có trách nhiệm trả lại cho ông Đào Đình Q giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 197637, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS03218 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/10/2018 cho ông Đào Đình Q.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 01/10/2021, bị đơn bà Trần Hoàng Kim K kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì bà đã chuyển trả toàn bộ số tiền 6.000.000.000 đồng cho nguyên đơn. Cụ thể:

- + Ngày 29/11/2018, chuyển trả 190.000.000đồng.
- + Ngày 7/12/2018, chuyển trả 250.000.000đồng.
- + Ngày 14/12/2018, chuyển trả ba lần tổng cộng 710.000.000đồng.
- + Ngày 21/12/2018, chuyển trả hai lần tổng cộng 685.000.000đồng.
- + Ngày 11/01/2019, chuyển trả ba lần tổng cộng 900.000.000đồng.
- + Ngày 18/01/2019, chuyển trả hai lần tổng cộng 540.000.000đồng.
- + Ngày 25/01/2019, chuyển trả ba lần tổng cộng 825.000.000đồng.
- + Ngày 31/01/2019, chuyển trả ba lần tổng cộng 900.000.000đồng.
- + Ngày 15/2/2019, chuyển trả bốn lần tổng cộng 1.000.000.000 đồng.

- Ngày 01/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc H1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 06/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình Q kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hợp đồng bảo lãnh vô hiệu nên không phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Hoàng Kim K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ y bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Trần Hoàng Kim K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc H1 trình bày: Nguyên đơn ông Hùng, bà Phết cho rằng đã giao cho bà K 6.000.000.000đồng là không chính xác. Sau khi ký hợp đồng mượn tiền công chứng ngày 01/02/2019, nguyên đơn chỉ chuyển cho phía bị đơn 2.000.000.000đồng, các giấy nộp tiền khác là trước ngày 01/02/2019. Nguyên đơn cho rằng đã chuyển khoản cho bị đơn ngày 19/8/2018 số tiền 100.000.000đồng nhưng nguyên đơn không có nhận được. Hợp đồng mượn tiền do ông Hùng, bà Phết đứng ra ký kết nhưng thực tế do bà Đỗ Thị Kim Q2 là con của ông H, bà P cho vay. Tại phiên Tòa phúc thẩm, bị đơn có nộp giấy nhận sổ ngày 22/6/2019 thể hiện bà Q2 là người nhận và đang

giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q. Bà Q2 là người đứng ra cho vay và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q nhưng không được tham gia tố tụng. Tại phiên Tòa phúc thẩm phát sinh thêm chứng cứ mới là giấy nộp tiền do nguyên đơn nộp mà bị đơn cũng chưa có điều kiện tiếp cận để thu thập thêm chứng cứ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cả hai bên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, giao hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình Q trình bày: Tòa cấp sơ thẩm Tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019 vô hiệu nhưng tuyên ông H, bà P có quyền yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà K, ông H1 trong phạm vi bảo lãnh số tiền 6.000.000.000đồng là không phù hợp. Đề nghị HĐXX sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Đào Đình Q.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn có nộp bổ sung các chứng cứ mới là các giấy nộp tiền nhưng bị đơn chưa được tiếp cận và cũng có yêu cầu HĐXX hoãn phiên Tòa để bị đơn thu thập thêm chứng cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tạm dừng phiên Tòa để bị đơn thực hiện quyền của mình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Hoàng Kim K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình Q ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Đỗ Văn H, bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Hoàng Kim K trả cho ông bà số tiền 6.000.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng mượn tiền ngày 01/02/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới ngày 01/02/2019 và các Giấy nộp tiền tại ngân hàng. Bị đơn bà Trần Hoàng Kim K thừa nhận có ký Hợp đồng mượn tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà K cho

rằng bà K chưa nhận được số tiền 6.000.000.000đồng như trong hợp đồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, bà K cho rằng bà đã chuyển trả 6.000.000.000đồng cho các nguyên đơn. Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là các ủy nhiệm chi của Ngân hàng Sacombank. Theo đó , thể hiện:

- Ngày 29/11/2018, chuyển trả 190.000.000đồng.
- Ngày 7/12/2018, chuyển trả 250.000.000đồng.
- Ngày 14/12/2018, chuyển trả ba lần tổng cộng 710.000.000đồng.
- Ngày 21/12/2018, chuyển trả hai lần tổng cộng 685.000.000đồng.
- Ngày 11/01/2019, chuyển trả ba lần tổng cộng 900.000.000đồng.
- Ngày 18/01/2019, chuyển trả hai lần tổng cộng 540.000.000đồng.
- Ngày 25/01/2019, chuyển trả ba lần tổng cộng 825.000.000đồng.
- Ngày 31/01/2019, chuyển trả ba lần tổng cộng 900.000.000đồng.
- Ngày 15/2/2019, chuyển trả bốn lần tổng cộng 1.000.000.000 đồng.

[2] Căn cứ vào các giấy nộp tiền do nguyên đơn cung cấp và các giấy ủy nhiệm chi do bị đơn cung cấp, từ ngày 19/8/2018 đến ngày 27/11/2018 bên nguyên đơn đã chuyển tiền cho bị đơn nhiều lần, tổng số tiền 890.000.000đồng. Ngày 29/11/2018 bị đơn bắt đầu chuyển trả tiền cho nguyên đơn. Sau đó, bên nguyên đơn có tiếp tục chuyển khoản cho bị đơn, đến ngày 21/12/2018, tổng cộng số tiền bên nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn là 1.360.000.000đồng nhưng số tiền bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn là 1.850.000.000đồng. Sau đó, bị đơn cũng tiếp tục chuyển khoản cho nguyên đơn đến ngày 28/01/2019, bên nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền 4.000.000.000 tỷ đồng. Nhưng theo chứng từ bị đơn nộp đến ngày 31/01/2019 bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn tổng số tiền 5.000.000.000 đồng. Ngày 1/2/2019 hai bên mới lập hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới. Tại phiên Tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, ngoài các giao dịch chuyển tiền mà bên nguyên đơn đã nộp chứng từ ở cấp sơ thẩm giữa hai bên còn rất nhiều các giao dịch chuyển tiền khác. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định, số tiền nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn trước khi ký hợp đồng ngày 01/2/2019 là số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay theo hợp đồng mượn tiền ngày 1/2/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới và số tiền bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn là số tiền thanh toán cho khoản vay này.

[3] Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp 32 chứng từ nộp tiền và cho rằng ngoài các chứng từ mà nguyên đơn đã nộp ở cấp sơ thẩm để chứng minh đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền 6.000.000.000đồng theo hợp đồng mượn tiền ngày 1/2/2019 thì giữa nguyên đơn và bị đơn còn rất nhiều giao dịch khác. Các chứng từ mà bị đơn cung cấp cho Tòa án là chứng từ chuyển trả tiền thanh toán các khoản vay khác, không liên quan đến hợp đồng mượn tiền ngày 1/2/2019. Bị đơn cho rằng, các chứng từ nguyên đơn nộp tại phiên Tòa cấp phúc thẩm, bị đơn chưa được tiếp cận để kiểm tra và thu thập thêm chứng cứ bảo vệ quyền lợi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên Tòa. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử dừng phiên Tòa để bị đơn thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên Tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều nộp thêm nhiều chứng cứ mới, các chứng cứ này có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án nên cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình Q có yêu cầu độc lập, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 22/6/2019 vô hiệu và yêu cầu nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 197637 cho ông. Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm, bị đơn có nộp giấy nhận sổ đề ngày 22/6/2019 thể hiện bà Đỗ Thị Kim Q2 là người nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q theo hợp đồng bảo lãnh. Đây cũng là chứng cứ mới phát sinh tại phiên Tòa phúc thẩm. Mặt khác, bị đơn cũng có rằng thực tế bà Q2 là người cho bị đơn vay tiền chứ không phải ông Hùng, bà Phết. Vì vậy, khi giải quyết lại vụ án, nếu có căn cứ Tòa cấp sơ thẩm cần xem xét đưa bà Q2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ những nhận định trên, có căn cứ hủy Bản án sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên bà Trần Hoàng Kim K, ông Đào Quốc H1, ông Đào Đình Q không phải chịu án phí phúc thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy bản án sơ thẩm số: 56/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh giữa nguyên đơn ông Đỗ Văn H, bà Trần Thị P và bị đơn bà Trần Hoàng Kim K; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Đào Đình Q không phải chịu.
- Bà Trần Hoàng Kim K không phải chịu. Hoàn lại cho bà K tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003474 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.
- Ông Đào Quốc H1 không phải chịu. Hoàn lại cho ông Hùng tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003475 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cua